



# Tướng Lê Văn Hưng và Những Sự Thực ở Chiến Trường An Lộc trong Mùa Hè 1972

## 1. Quân Đoàn lli & Vùng 3 Chiến Thuật với Tướng Đỗ Cao Trí và Tướng Nguyễn Văn Minh

Trung tướng Nguyễn Văn Minh nhận chức vụ Tư lệnh Quân đoàn III và Vùng 3 Chiến Thuật (QĐIII & V3CT) sau khi vị tướng lãnh lỗi lạc nhất của Quân lực Việt Nam Cộng hòa (QLVNCH) Trung tướng Đỗ Cao Trí, tử nạn trực thăng trên không phận tỉnh lỵ Tây Ninh vào ngày 23 tháng 2, năm 1971.

Trước đó ở cả bốn Vùng Chiến Thuật, QLVNCH đã mở những cuộc hành quân sâu vào căn cứ địa của lực lượng Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) dọc theo biên giới Việt-Miên-Lào và truy diệt chúng xa hơn vào lãnh thổ Miên và Lào. (Về lý do vì sao QLVNCH tổ chức các cuộc hành quân vượt biên sang Cao Miên và Lào, sẽ trình bày trong một dịp khác, hoặc xin mời đọc “The Tragedy of The Vietnam War” của tác giả, ở tiểu mục “A Controversial Escalation of the War in Indochina”, do McFarland xuất bản tháng 9, 2008, từ trang 135 đến 141).

Lực lượng hành quân QĐIII & V3CT của Tướng Đỗ Cao Trí đạt thành quả lớn lao nhất. Từ tháng 4, 1970, đã đánh bại Sư đoàn Công trường 7 CSBV (SĐ-7/CSBV) và Sư đoàn Công Trường 9 Cộng Sản của TWC/MN (SĐ-9/CS) ra khỏi các căn cứ địa quan trọng Lưỡi Câu, ở biên giới tây bắc Bình Long và Mỏ Vẹt ở biên giới tây nam Tây Ninh, đồng thời phá tan các căn cứ hậu cần lớn, nhỏ, của Trung Ương Cục Miền Nam (TWC/MN) cơ quan chính trị và quân sự đầu não của CSBV ở Nam Việt Nam; hạ hơn 11,000 quân CSBV, bắt hơn 2,200 tù binh và thu hoặc phá hủy hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược, trang bị và hậu cần của chúng. Sư đoàn Công trường 5 Cộng Sản của TWC/MN (SĐ-5/CS) lúc đó đã rút sang Cao Miên hoạt động bên ngoài biên giới Kiến Phong và đang là mục tiêu của QĐIV & V4CT.

Ở mặt trận phía bắc, dọc Liên Quốc lộ 7, các Chiến đoàn QĐIII & V3CT vượt qua các đồn điền cao su Mimot, Krek và Chup, đến tận Tonle-Bet đồng ngạn Sông Mékong ngang thành phố Kampong-Cham -nơi trú đóng Bộ Tham Mưu Quân Khu I của Tướng Fan Muong thuộc Quân lực Quốc gia Cao Miên (Forces Armées Nationales Khmères -FANK). Ở mặt trận phía nam, trên Liên Quốc lộ 1, các Chiến đoàn khác của Tướng Trí cũng tiến đến bên ngoài thành phố Sway-Riêng yểm trợ cho các đơn vị của Đại tá Đạp Duon, Tỉnh trưởng của tỉnh phía đông Cao Miên này, giáp với tỉnh Tây Ninh của Việt Nam.

Suốt trong gần một năm hiện diện trên lãnh thổ Miên, QLVNCH đã liên lạc với chính quyền quân sự Cao Miên, đưa khoảng trên dưới vài chục nghìn đồng bào Việt Nam ở đó trở về nước. Chính Tướng Đỗ Cao Trí đã làm việc này. Nỗi bận tâm của Trung tướng trong các cuộc Hành quân Toàn Thắng trên lãnh thổ Miên không chỉ nhằm tiêu diệt lực lượng CSBV và các căn cứ hậu cần quan trọng của chúng ở biên giới Miên, hay chỉ để yểm trợ cho lực lượng quân đội non yếu của Tướng Lon Nol (Ông này là Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Miên, vừa làm cuộc đảo chính lật đổ Norodom Sihanouk trong tháng 3, 1970, khi Sihanouk công du nước ngoài) nhưng còn để giải thoát hàng chục nghìn Việt kiều bị chính quyền địa phương của chính phủ Lon Nol nghi ngờ là Việt Cộng, bắt giam giữ. Trung tuần tháng 4, 1970, tôi được Trung tướng Trí cử sang làm Sĩ quan Liên lạc ở Tỉnh Sway-Riêng thay thế Đại tá Lê Đạt Công lúc đó là Trưởng Phòng 2 QĐIII & V3CT. Tôi nhận rõ chỉ thị và hiểu rõ mối quan tâm của Trung tướng Trí về vấn đề Việt kiều ở Miên. Vì vậy, khi biết nhu cầu cần được yểm trợ của Đại tá Đạp Duon, Tỉnh trưởng Sway-Riêng, và sau khi thỏa mãn được vài điều khá quan trọng, việc đầu tiên của tôi là yêu cầu Đại tá Đạp Duon đưa đến thăm viếng số đồng bào chừng hai nghìn người bị chính quyền Miên tập trung giam giữ ở Trường Tiểu học tỉnh lỵ. Trước cổng Trường này, tôi hứa với đại diện Việt kiều nạn nhân ở đó là sẽ trình nguyện vọng muốn về nước của đồng bào lên Tướng Trí, Tư lệnh QĐIII & V3CT. Tôi đã làm như đã hứa.

Trong tháng 5, 1970, khi được Tướng Trí uỷ thác sang Kompong-Cham làm Sĩ quan Liên lạc ở Bộ Tư lệnh Quân khu I Cao Miên của Tướng Fan Muong, với một toán trên mười sĩ quan, hạ sĩ quan Phòng 2, Phòng 3, và Truyền tin của QĐIII & V3CT. Ở Kompong-Cham, tôi cũng yêu cầu Trung tá Ly Tai Sun, Tư lệnh phó của Fan Muong, nhất định phải đưa tôi đi xem nơi đồng bào Việt Nam bị họ bắt giam giữ. Hơn vài nghìn Việt kiều, kể cả đàn bà và trẻ con, chen chúc dưới các đường giao thông hào khá sâu và rộng -- mà người Pháp gọi là tranchées -- trong khuôn viên chiếc sân rộng lớn của Bộ Tư lệnh Quân Khu trong thành phố. Việc này chỉ diễn

ra vào buổi sáng sau khi tôi đã yêu cầu Tướng Trí cho Không Quân Việt Nam (KQVN), đánh giải tỏa Bộ Tư lệnh Quân Khu I, bị Tiểu đoàn J-16 Đặc công và các đơn vị chính qui của CSVN tấn công và bao vây từ đêm trước. Khi chỉ vào nhóm Việt kiều bị giam giữ dưới các giao thông hào đó, Ly Tai Sun nói với tôi bằng tiếng Việt:

- Nếu hôm nay Ông không gọi được KQVN đánh giải cứu chúng tôi, thì số người này sẽ bị bắn hết. Đó là nguyên văn câu nói của tên Trung tá này. Từ ngày toán Liên lạc của chúng tôi đến Kompong-Cham, tôi tiếp xúc với Thiếu tá John Fernandez Tham Mưu trưởng, Ly Tai Sun Tư lệnh phó và Tướng Tư lệnh Fan Muong bằng tiếng Pháp, vì tôi không biết tiếng Miên, tôi chưa hề nghe các Sĩ quan Miên này nói một câu tiếng Việt nào. Đột nhiên nghe Ly Tai Sun bật lên câu nói ghê tởm đó, tôi nói với hắn,

- Thì ra Ông là người Việt Nam, họ Lý. Ông nói vậy có nghĩa là các Ông sẽ giết hết số Việt kiều này và cả toán Liên lạc của chúng tôi, đúng không?

Hắn cười. Tôi nói tiếp:

- Chắc là Ông chưa lường được hậu quả lớn lao sau này.

Lý Tai Sun, hay Lý Đại Sơn --tên thật của Sun-- không nói gì thêm. Tức tức, tôi vào gặp Tướng Fan Muong nói việc Ly Tai Sun và tôi gửi mật điện trình mọi việc với Tướng Trí.

Ngày buổi trưa đó, Trung tướng cho trực thăng, kèm theo quân Nhảy Dù, đón toán Liên lạc chúng tôi về Biên Hòa. Có lẽ sau đó Tướng Fan Muong điện xin lỗi Trung tướng Trí. Dĩ nhiên vấn đề chính phải là chuyện giải quyết số phận của hàng chục ngàn Việt kiều bị chính quyền Miên giam giữ từ mấy tháng trước đó khi quân CSBV phối hợp với các đơn vị Cộng sản Miên tấn công các thành phố Miên và tạo vòng đai bao vây Thủ đô Phnom Penh của Chính quyền Lon Nol. Mấy ngày sau, Thiếu tá Nguyễn văn Lý của Phòng 2/BTL/ QĐIII & V3CT và một toán Liên lạc khác được đưa trở lại Kompong-Cham. Không lâu sau đó Đại tá Trần văn Tư thay thế Thiếu tá Lý.

Trong tháng 5 đó, vấn đề nội bộ ở cấp cao giữa Trung tướng Đỗ Cao Trí và Tổng thống Nguyễn văn Thiệu hay Chính phủ VNCH, hay vấn đề ngoại giao giữa Việt Nam và Cao Miên diễn ra thế nào tôi không được biết, nhưng các cuộc hành quân thủy, bộ, của QĐIII và QĐIV đã diễn ra, đón đưa nhiều chục nghìn Việt kiều ở Miên về nước trong các tháng 5, 6 và 7, 1970. Lúc đó tôi tiếp tục phục vụ ở Phòng 2 QĐIII & V3CT, dưới quyền Đại tá Lê Đạt Công, khi ở Biên hòa, khi ở Hiếu Thiện, rồi Tây ninh, luân phiên thay thế ông về tình báo chiến trường cho đến ngày Trung tướng Đỗ Cao Trí tử nạn.

Từ ngày Trung tướng Nguyễn văn Minh về thay thế nắm quyền Tư lệnh, nhất là sau tang lễ trọng thể của cố Đại tướng Đỗ Cao Trí, tình hình ngoại biên và trong nội địa Quân đoàn III & V3CT có nhiều thay đổi lớn vì hai lý do:

- Thứ nhất, CSBV tăng cường đáng kể lực lượng của họ ở các mặt trận Lào và Miên với những cuộc phản công dữ dội ở Tchépone và suốt dọc Đường 9 đến biên giới Khe Sanh, cũng như các cuộc phản công ở Đường 7, từ các đồn điền cao su Chup, Mimot đến biên giới Việt-Miên, vùng Lưỡi Câu và Mỏ Vẹt. Chiến đoàn 8 của Sư đoàn 5 Bộ binh (SĐ5BB) cũng tổn thất nặng và rút khỏi Thị trấn Snoul của Miên trong cuối tháng 5, 1971. Địa điểm duy nhất của Quân đoàn III còn duy trì trên lãnh thổ Miên là căn cứ hỗn hợp Việt-Mỹ ở Thị trấn Krek, giao điểm giữa đường 7 và đường 22 đổ vào nội địa tỉnh Tây Ninh và cách biên giới chừng 12 km.
- Thứ hai, Trung tướng Nguyễn văn Minh tánh người ôn nhu, chuộng phòng thủ hơn tấn công. Ông không phải là một hổ tướng như Đại tướng Trí, nhưng là một túc tướng (tôi sẽ trình bày ở phần sau). Hơn nữa, cục diện chiến trường đã thay đổi sau cuộc Hành quân Lam sơn 719 ở Hạ Lào. Tướng Minh lâm vào tình trạng bất cập, khó khăn trong vấn đề chỉ huy. Ông xuất thân Khóa IV Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt, trong khi hai vị tư lệnh Sư đoàn dưới quyền đều thuộc khóa đàn anh. Thiếu tướng Nguyễn văn Hiếu, Tư lệnh SĐ5BB và Thiếu tướng Lâm Quang Thơ, Tư lệnh SĐ18BB, cùng xuất thân Khóa III. Sau trận rút lui khỏi Snoul của Chiến đoàn 8, SĐ5BB, Tướng Hiếu được trao phó trọng trách khác. Đại tá Lê văn Hưng, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Cần Thơ, được Tướng Minh đề nghị thay thế Tướng Hiếu làm Tư lệnh SĐ5BB. Ít lâu sau, Tướng Lâm Quang Thơ cũng được Đại tá Lê Minh Đảo thay thế.

Tuần lễ đầu tháng 6, 1971, tôi được lệnh thuyết trình tình hình các đại đơn vị địch trong lãnh thổ và ngoại biên - mà QĐIII & V3CT phải đương đầu - cho Đại tá Lê văn Hưng, tân Tư lệnh SĐ5BB. Nội dung bài thuyết trình không khác gì nhiều so với những gì tôi viết trên đây. Dĩ nhiên là không có phần nói về các vị Tướng Tư lệnh

Trí, Minh, Hiếu và Thơ. Tôi nói về tình hình của các đại đơn vị CSBV và TWC/MN đang hoạt động ở biên giới Việt-Miên sau khi QLVNCH rút ra gần hết khỏi lãnh thổ Miền, chỉ còn duy trì cứ điểm cuối cùng ở Krek. Tôi trình bày rõ về qui luật tác chiến, quân số, trang bị, vùng hoạt động của từng đại đơn vị CSBV & TWC/MN theo trận liệt và tin tức mới nhất mà chúng tôi có được. Sau cùng là phần ước tính về hoạt động của các đại đơn vị này và chủ trương của TWC/MN trong thời gian tới. Tôi cho rằng nên giải tỏa áp lực địch có khuynh hướng tập trung để dứt điểm căn cứ Krek vì lúc đó chúng tôi ghi nhận TWC/MN đang hiện diện trong vùng Snoul, và các căn cứ hậu cần của chúng đang hoạt động trở lại ở vùng biên giới Bình Long và Tây Ninh. Đây là bài thuyết trình thường lệ ở cấp Vùng Chiết Thuật (là cấp Quân Khu cũ) về "tình hình địch". Hình như Đại tá Hưng nghe rất rõ, không hỏi một câu nào. Ngược lại, khi bài thuyết trình vừa chấm dứt, Đại tá Hưng quay sang Trung tướng Minh, và nói:

- Thừa Trung tướng, Dưỡng là bạn cùng Khóa, cùng Trung đội với tôi.

Sau đó, ông đứng lên và bước thẳng đến bục thuyết trình bắt tay, ôm lấy tôi. Đó là dấu hiệu thân thiện đầu tiên khi gặp lại sau hơn 15 năm kể từ khi tốt nghiệp và rời Quân trường Thủ Đức vào tháng 1, năm 1955. Ngày ra trường, chúng tôi đều mang cấp bậc Thiếu úy. Ở buổi thuyết trình này, tôi chỉ là một Thiếu tá, nhân viên của một Phòng 2 Quân đoàn, còn ông là Đại tá, tân Tư lệnh của một Sư đoàn. Địa vị trong quân đội cách xa nhau nhiều lắm!

## 2. Tướng Lê Văn Hưng và Tôi

Tổng số Sinh viên Sĩ quan Khóa V, Vi Dân, trên 1,300 người, kể cả hai Đại đội bộ binh gửi thụ huấn ở Liên trường Võ bị Liên Quân Đà Lạt. Đại đa số SVSQ được gọi nhập ngũ và đưa đến Trường SQTĐ Thủ Đức trong tháng 5, năm 1954. Ông Hưng và tôi được xếp vào Trung đội 8 của Thiếu úy Nguyễn Hưng Chiêu, thuộc Đại đội 2 Bộ binh, cùng ở chung phòng hỗn hợp (salle mixe) với Trung đội 7 của Trung úy Lê Văn Sỹ. Ở phòng chung này, Trung đội 7 có 12 sinh viên và Trung đội 8 cũng có một số sinh viên như vậy. Còn phòng chính của mỗi Trung đội gồm 24 sinh viên nằm kế cận hai bên phòng mixe này.

Khóa này, tại Thủ Đức có hai Đại đội bộ binh và sáu Đại đội chuyên ngành như Pháo binh, Trọng pháo, Thiết giáp, Công binh, Truyền tin, Hành Chánh Quân Nhu v...v... Đại đội I Bộ binh gồm các Trung đội 1, 2, 3 và 4; Đại đội II Bộ binh gồm các Trung đội 5, 6, 7 và 8. Trung đội 8 của chúng tôi có 36 sinh viên, mà ngày nay tôi còn nhớ tên trên hơn ba mươi bạn. Trung đội 8, Đại đội II Bộ binh của Thiếu úy Nguyễn Hưng Chiêu có thể là Trung đội SVSQ tạo được hai kỳ tích là đã cho ra trường một Thủ khoa và một sĩ quan sau đó trở thành Tướng lãnh duy nhất cho toàn khóa, danh tiếng lẫy lừng. Vị tướng lãnh này là Lê Văn Hưng, người Quận Hóc Môn, Tỉnh Gia Định. **Ông là một trong 5 vị Tướng tuần tiết ngày 30, tháng 4 đen, năm 1975.**

SVSQ Lê Văn Hưng lúc đó thỉnh thoảng đôi mắt thoáng nháy nhẹ một lần như khi đã làm tướng. Thường ngày, lúc nghỉ ngơi trong phòng, Hưng thường mặc chiếc sa-rong của người Miền, màu đỏ sọc xanh đen, ở trần không mặc áo, cổ đeo một giây chuyền vàng mang một nanh heo rừng nhỏ. Hưng rất ít nói, nhưng dễ mến vì lúc nào gặp ai cũng cười; nụ cười dễ gây thiện cảm và theo tôi nghĩ, dễ làm xiêu lòng các người đẹp. Nước da ngăm, nhưng cao lớn và đẹp trai theo lối một người hùng hơn là một thư sinh. Lúc đó anh đã lập gia đình. Khi gần hết giai đoạn I, nhất là sau khi đã được mang Alpha --biểu trưng của SVSQ-- cứ mỗi hai tuần sinh viên được đi phép 24 giờ về thăm gia đình. Như vậy mỗi Trung đội 36 sinh viên, thì một nửa đi phép, một nửa khác lưu trại. Tôi thuộc toán được đi phép hay lưu trại chung với anh Hưng.

Trong đời, đôi khi ta gặp những hoàn cảnh chạnh lòng. Khi bước chân vào Quân trường Thủ Đức tôi đã mang nỗi buồn riêng, tủi cho thân phận mình. Không biết nói cùng ai. Lúc đó tôi là một cậu học trò, độc thân, gia đình nghèo. Tôi nhập trường vào tháng 5, đến tháng 7, 1954, sau Hiệp định Genève, đất nước chia đôi. Thị trấn Cà mau nhỏ bé thân thương của tôi biến thành nơi tập trung của các lực lượng vũ trang bộ đội và du kích Việt Minh trong nhiều tháng, trước khi họ tập kết ra miền Bắc. Cha và anh tôi là tiểu công chức phải rời Cà mau lên tỉnh lỵ Bạc Liêu làm việc; gia đình ăn ở tạm bợ, nghèo khó. Với số lương tháng ít ỏi của một SVSQ tôi phải gởi bớt về giúp thêm cho cha mẹ, đưa em gái còn đi học, và người chị quả phụ và hai đứa cháu cô nhi. Ngày thường, nhất là khi tập ở ngoài bãi, tôi lấy thêm phần ăn sáng mà các bạn cùng bàn không đến ăn, thường là bánh mì với mấy thỏi chocolate hoặc fromage đầu bò --ở Nhà Ăn Sinh viên-- mang theo để ăn trong buổi giải lao, trong khi các bạn sinh viên khác bao quanh các gánh bán thức ăn hàng rong ở các bãi tập đó.



Buổi chiều, khi ăn cơm xong, tôi thường mang về một ga-men (gamelle) cơm trắng để đến tối trong khi các bạn đi ăn uống ở các Câu lạc bộ Sinh viên hay ở những gánh hàng rong đủ loại thức ăn mà vợ con binh sĩ ở trại gia binh mang đến tận hành lang ngoài phòng ngủ của sinh viên, tôi lặng lẽ đem phần cơm đó và một chai xi-dầu, ra ngồi ở bậc xi-măng đầu chiếc cống xây trên lạch nước gần dãy trại của Đại đội chảy ra bãi tập thể dục quân sự, ăn dưới ánh trăng, hay trong bóng tối bao quanh. Tôi đã nuốt những hạt cơm nguội lạnh đó trong nhiều đêm cùng với nỗi tủi thân của mình. Rồi một đêm nào đó, tôi không nhớ rõ, Thiếu úy Nguyễn Hưng Chiêu, Trung đội trưởng của tôi, trong buổi trực đêm của ông, bắt gặp tôi đang ngồi ăn cơm đêm trong bóng tối như vậy. Khi ông rọi đèn pile thấy rõ ga-men cơm đang ăn dang dở và chai xi-dầu, trong khi tôi đứng thẳng ở tư thế nghiêm của một sinh viên trước thượng cấp của mình. Ông không nói gì, để tôi đứng đó và đi vào dãy phòng ngủ của Đại đội. Tôi âm thầm trở về phòng với nỗi lo sợ lớn lao trong lòng. Tôi sợ mình đã vi phạm một lỗi lầm quân kỷ nào đó của Trường. Mấy ngày sau tôi chờ đợi nhận phần phạt. Nhưng không, ngược lại, tôi nhận được tờ giấy bạc 100 Đồng, một số tiền khá nhiều lúc đó, xếp giữa hai trang giấy trong tập bài học của tôi sau khi Thầy khám duyệt và hoàn trả các tập vở đó lại cho các sinh viên Trung đội. Thầy đã kín đáo cho tôi tiền như đã hiểu rõ hoàn cảnh của tôi. **Đã gần sáu mươi năm rồi, tôi mang ơn Thầy Chiêu đã đào tạo tôi trở thành một sĩ quan QLVNCH và về đức độ và lòng nhân hậu của Thầy.** Tôi không mong trả được ơn Thầy trong cuộc đời này vì tôi biết không có gì quý giá xứng với tấm lòng bao dung rộng lớn của Thầy. Ngược lại, rõ ràng người đã đền đáp ơn Thầy nhiều nhất là Tướng Lê văn Hưng vì những chiến công rực rỡ và sự tuấn tiết cao đẹp của vị Tướng này, người anh hùng mà Thầy một thời đã tạo dựng nên.

Lúc đó tôi rất ít xuất trại nghỉ phép. Họa hoằn có đi phép thì cũng chỉ xuất trại vào sáng ngày Chúa nhật, đi dạo vòng vòng các khu phố lớn Sài Gòn, xem chớp bóng ở các rạp chiếu bóng thường trực để đợi đến chiều ra Đường Hai Bà Trưng, sau Trụ sở Quốc hội, đợi đoàn xe GMC đưa đón SVSQ của Trường rước về. Những tuần không đi phép tôi mặc quân phục chỉnh tề, cùng các bạn trong Trung đội người miền Bắc, cũng “mò côi” như tôi sau khi Hiệp định Genève-1954 chia đôi đất nước, đi dạo ở khu chung quanh sân cờ lớn của Trường, nơi có những hàng cây tỏa bóng mát, dù ít oi, xuống thăm cỏ dưới gốc, mà các SVSQ lưu trại thường đón tiếp và vui vầy với gia đình hay người yêu đến thăm viếng trong ngày Chúa nhật.

Cảnh đầm ấm, hạnh phúc và sinh động rực rỡ màu sắc này cũng diễn ra trong Câu lạc bộ Sinh viên và trong các lều mát hay quán ăn chung quanh đó. Dĩ nhiên trong số những thân nhân đến thăm viếng sinh viên hàng tuần không thiếu những bóng hồng tươi đẹp, xinh xắn, là chị, là em, là bạn, là người yêu, hay vợ của sinh viên lưu trại. Một trong những người đẹp đó là vợ của anh Hưng. Nhìn từ xa xa cũng biết chị đẹp. Dáng người cao thon thả nhưng cân đối khỏe mạnh như một thiếu nữ phương Tây. Mặt sáng, nước da trắng. Cách ăn mặc và dáng điệu tạo vẻ thuộc gia đình trung lưu, khá giả. Mỗi lần thăm anh, chị thường dẫn theo đứa con gái nhỏ chừng hơn một tuổi. Họ quây quần bên nhau rất hạnh phúc. Thế nhưng, trong đời người ta không thể ngờ được những bất cập, tan vỡ, chia ly diễn ra mà hậu quả là ưu phiền và oán hận.

Chín năm sau ngày ra trường, mỗi người đi một nơi, không biết tin tức gì của nhau, bỗng nhiên vào giữa tháng 1 năm 1964, tôi được biết tin về anh Lê văn Hưng. Sau ngày đảo chánh 1 tháng 11, 1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu bị thảm sát, Đại tá Nguyễn văn Phước Trưởng Phòng 2 Bộ Tổng Tham mưu (P2/BTTM) bị mấy ông Tướng đảo chính bắt giam giữ ở Cục An ninh Quân đội, Trung tá Hồ văn Lôi, Chỉ huy trưởng Trường Quân báo Cây Mai, được đưa lên BTTM thay thế. Tôi cũng được chuyển theo ông và giữ chức vụ Trưởng ban Hành chánh của P2/BTTM.

Một hôm tôi đọc được trong xấp hồ sơ “Công văn Đến” lệnh chuyển của Nha Nhân viên Bộ Quốc Phòng ban hành hoàn trả Trung úy Lê văn Hưng về ngành Quân Báo và đặt thuộc quyền sử dụng của P2/BTTM. Trước cuộc đảo chính Trung úy Hưng là Quận trưởng Trà Ôn ở miền Tây. Có lẽ những năm trước nữa ông Hưng có học qua một khóa Quân Báo hay giữ chức vụ nào đó cùng ngành với tôi mà tôi không biết. Sau đó ít lâu, khi hồ sơ cá nhân của Hưng gửi về P2/BTTM mới được biết là sau khi tốt nghiệp ở Thủ Đức nhờ đậu cao nên anh được chọn về Quân Khu I – lúc đó bao gồm cả lãnh địa của Vùng 3 và Vùng 4 Chiến thuật sau này - và chuyển về Bộ Chỉ Huy Trung đoàn 15 đóng tại Gia Định. Thiếu tá Lê Thọ Trung là Trung đoàn trưởng. Sau này, khi ông Hưng đã lên Tướng và làm Tư lệnh SĐ5BB, ông Trung, chỉ mang cấp bậc Trung tá, là Tham Mưu trưởng cho ông Hưng.

Không đầy một tuần sau khi P2/BTTM nhận được lệnh chuyển của Trung úy Hưng, cũng trong tháng giêng đó, một người đàn bà đến xin gặp Trung tá Trưởng P2/BTTM. Với tư cách là người phụ trách về hành chánh và quản trị nhân viên, tôi tiếp bà khách. Bà tự xưng là người phối ngẫu chính thức và đã ly dị của ông

Hưng. Tôi hình dung được ngay đó là người vợ của SVSQ Hưng của gần mười năm trước. Tuy bà đã bớt vẻ thon thả, khá người hơn, mà vẫn còn đẹp ở độ tuổi trung niên. Bà mang theo một lá đơn xin gửi lương tháng, mà bà nói là do Tòa án phán quyết khi ly dị, đến thẳng địa chỉ của bà ở Gia Định. Tôi chỉ ghi nhận sự kiện, nhận đơn, mà chưa giải quyết được vì Trung úy Hưng chưa trình diện P2/BTTM.

Sau đó không lâu, tôi nhận tiếp một lệnh khác của Nha Nhân viên Bộ Quốc Phòng chuyển Trung úy Lê Văn Hưng về SĐ21BB. Như vậy đến năm đó tôi vẫn chưa gặp lại Hưng cho đến đầu tháng 6, năm 1971. Vì ông Hưng trình diện thẳng SĐ21BB mà không trình diện P2/BTTM. Cuối năm 1967, vào một buổi chiều, tôi vô tình gặp lại người vợ đã ly dị đó của ông Hưng trong Dancing Club Victoria ở Tân Định, gần Bộ Tổng Tham Mưu. Bà là vũ nữ ở đó. Tôi nhận ra bà nhưng bà không nhớ có lần đã gặp tôi ở P2/BTTM gần bốn năm trước. Lúc đó tôi mang cấp bậc Thiếu tá và được biết ông Hưng mang cấp Trung tá, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31 thuộc SĐ21BB và **là một trong năm ngũ kiệt nổi tiếng ở miền Tây**. Ít lâu sau nghe ông Hưng thăng cấp Đại tá và làm Tỉnh trưởng Cần Thơ. Từ cuối năm 1967, sau buổi khiêu vũ “matinée” ở Victoria, tôi không gặp bà vợ đã ly dị của ông Hưng lần nào nữa. Đến nay đã gần nửa thế kỷ.

Văn Nguyên Dương  
Còn tiếp